

TRY!

Kỳ thi năng lực Nhật ngữ N3

Japanese Language Proficiency Test

Phát triển các kỹ năng tiếng Nhật từ ngữ pháp

Hiệp hội văn hóa sinh viên Châu Á ABK

Phiên bản tiếng Việt

Vẫn còn
tiến được
xa hơn nữa!!
Cố lên nào!



**NGŨ
PHÁP**

Hiểu rõ cách sử dụng
Nắm vững thông qua Nghe - Đọc

Đính kèm tiếng Việt



Mã QR Code

* Tài miễn phí “Danh sách từ vựng” (kèm bản dịch) trên website!



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

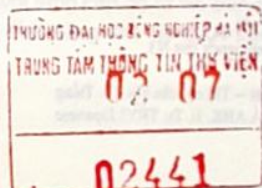
TRY!

Kỳ thi năng lực Nhật ngữ **N3**
Japanese Language Proficiency Test

Phát triển các kỹ năng tiếng Nhật từ ngữ pháp

Hiệp hội văn hóa sinh viên Châu Á ABK

Phiên bản tiếng Việt



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

はじめに

Lời nói đầu

この本は、日本語能力試験のN3に対応した文法の問題集で、ABK（公益財団法人 アジア学生文化協会）の30年の日本語教育の経験を生かして、学内で使いながら作られたものです。日本語を勉強している皆さんが、文法をきちんと整理して、日本語が上手に使えるようになることを願って作りました。

文法は「聞く・話す・読む・書く」の基礎になるものです。この本では次のプロセスで勉強が進められるように工夫しました。

1. 実際のコミュニケーションの中でその文法がどのように使われているかを知る。
2. 基本的な練習で使い慣れる。
3. まとめの問題で話を聞いたり日本語の文章を読んだりする運用練習をする。

まとめの問題は日本語能力試験の出題形式に合わせてありますので、試験を受ける皆さんは、この本1冊で文法対策と読解、聴解の試験の練習ができるようになっています。

「TRY!」という名前には、気軽にやってみようという意味と、ラグビーのトライのようにながらったことが得点につながるという意味を込めました。皆さんがこの本で勉強して、日本語能力試験N3に合格し、さらに日本語を使って楽しく自己表現ができるようになりますよう、お祈りしています。

このシリーズはN5～N1まで、各レベルに合わせて5冊の本があります。この本が終わったら、ぜひ次のレベルに進んで、レベルアップを目指してください。

Quyển sách này là quyển sách luyện tập ngữ pháp tương ứng với trình độ N3 của Kỳ thi năng lực tiếng Nhật, được hiệp hội ABK (Hiệp hội văn hóa sinh viên Châu Á) với hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Nhật biên soạn dựa trên những tư liệu giảng dạy thực tế tại trường. Chúng tôi biên soạn ra cuốn sách này với mong muốn giúp các bạn học tiếng Nhật hệ thống lại các điểm ngữ pháp, lý giải và có thể sử dụng tiếng Nhật thành thạo hơn.

Ngữ pháp là nền tảng căn bản của "Nghe - Nói - Đọc - Viết". Chúng tôi đã nghiên cứu từ nhiều góc độ để có thể giới thiệu đến các bạn trình tự học giáo trình này như sau:

1. Biết được ngữ pháp trong giao tiếp thực tế được sử dụng như thế nào.
2. Sử dụng thành thạo các mẫu ngữ pháp nhờ các bài luyện tập cơ bản.
3. Luyện tập ứng dụng bằng cách nghe các câu chuyện, đọc các đoạn văn tiếng Nhật trong phần bài tập tổng hợp.

Phần bài tập tổng hợp được biên soạn theo hình thức đề thi năng lực tiếng Nhật, vì thế chỉ với một cuốn giáo trình này các học viên đang luyện thi có thể luyện tập ngữ pháp, đọc hiểu, nghe.

Chúng tôi đặt tựa đề cuốn sách là "TRY" với ý nghĩa hãy THỬ học tiếng Nhật một cách thoải mái và cả ý nghĩa cố gắng sẽ lấy được điểm giống như điểm TRY trong môn bóng bầu dục. Chúng tôi mong muốn các bạn học giáo trình này sẽ thi đỗ N3 trong Kỳ thi năng lực tiếng Nhật, và hơn thế nữa, các bạn có thể sử dụng tiếng Nhật để diễn đạt điều mình muốn nói một cách tự nhiên.

Bộ sách này gồm có 5 quyển tương ứng với từng cấp độ từ N5 đến N1. Sau khi học xong cuốn sách này, các bạn hãy tiếp tục học cuốn tiếp theo với mục đích nâng cao năng lực tiếng Nhật của mình.

2013年9月 著者一同

Tháng 9 năm 2013, nhóm tác giả

この本をお使いになる皆さんへ

Gửi đến các bạn sử dụng giáo trình này

この本は、本冊、別冊「答え・スクリプト」とQR CODEがあります。
Cuốn sách này gồm có phần sách học, tập "đáp án, nội dung bài nghe" đính kèm và
và 1 mã QR code để tải phần âm thanh

1. 本冊 Phần sách học

全部で11章に分かれており、それぞれ次のような構成になっています。
Cuốn sách này được chia thành 11 bài. Từng bài có cấu trúc bài học như sau.

各章の構成 Cấu trúc các bài học

1) できること Những nội dung có thể đạt được

その章を学習すると、何ができるようになるかが書いてあります。
Trình bày những gì bạn có thể làm được khi học bài đó.

2) 見本文 Câu văn mẫu

その章で勉強する文法項目が、実際にどのように使われているかわかるような文章になっています。1つの章が(1)(2)に分かれている場合、(1)(2)の見本文はストーリーがつながっています。勉強する文法項目は、すぐわかるように太字で書いてあります。

Là những đoạn văn giúp người học hiểu được những mẫu ngữ pháp sẽ học trong bài được sử dụng như thế nào trong thực tế. Trường hợp một bài học được chia thành hai phần (1) và (2), thì những câu văn mẫu trong phần (1) và (2) là câu chuyện nối tiếp nhau. Những điểm ngữ pháp sẽ học được viết bằng chữ in đậm để người học có thể hiểu ngay được.

3) 文法項目 Các mẫu ngữ pháp

その章で勉強する項目を順番に並べてあります。探すときに便利のように、1章から11章まで通し番号になっています。それぞれの中には、使い方、接続、例文、補足説明、練習問題などがあります(くわしい内容はp.6)。

Những mẫu ngữ pháp sẽ học trong từng bài được sắp xếp theo thứ tự. Để tiện cho việc tìm kiếm, chúng tôi đánh số thứ tự liên tiếp từ bài 1 đến bài 11. Trong từng mẫu ngữ pháp sẽ có cách sử dụng, cách nối câu, ví dụ, giải thích bổ sung và bài tập luyện tập (nội dung chi tiết xem trang 6).

4) Check Kiểm tra

各章の(1)の最後と(2)の最後に、簡単な練習問題があります。ここで、学習した文法項目がわかるかどうかチェックします。間違えたら、その項目のところに戻ってもう一度確認しましょう。

Cuối phần (1), và (2) mỗi bài sẽ có những bài luyện tập đơn giản. Chúng ta có thể kiểm tra lại xem đã hiểu những mẫu ngữ pháp học trong bài hay chưa. Nếu làm sai, chúng ta hãy quay lại phần ngữ pháp đó và xem lại một lần nữa.

5) まとめの問題 Bài tập tổng hợp

その章で勉強した文法を中心に、文法、読解、聴解の問題です。日本語能力試験の出題形式に合わせた形になっていますから、文法項目の再確認をしながら、試験対策ができます。

Đây là những bài tập ngữ pháp, đọc hiểu, nghe với trọng tâm là những mẫu ngữ pháp đã học ở bài đó. Bài tập tổng hợp được trình bày theo hình thức của đề thi trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật nên các bạn có thể vừa xác nhận lại các mẫu ngữ pháp vừa có thể luyện thi được.

2. 別冊 Tập đính kèm

1) 「やってみよう!」「Check」の答え

Đáp án của phần "Hãy làm thử!", "Check"

2) 「まとめの問題」の答え・スクリプト

Đáp án và nội dung bài nghe của phần "Bài tập tổng hợp"

3. QR CODE

「見本文」と、「まとめの問題」の聴解問題の音声

Dữ liệu âm thanh của "Câu văn mẫu", và những bài tập nghe trong "Bài tập tổng hợp".

※本書の音声はPC、スマートフォンでもダウンロードできます。

Dữ liệu âm thanh của cuốn sách này có thể tải xuống máy tính hoặc điện thoại thông minh.

くわしくは下記HPへ。

Chỉ tiết xin tham khảo trên trang web

<https://www.ask-support.com/japanese/>

4. 公式サイト Trang web chính thức

<http://www.ask-books.com/jlpt-try/>

本冊で使われている言葉の「語彙リスト」があります。語彙リストには、ベトナム語の訳がついています。ダウンロードして使ってください。

Có "Danh sách từ vựng" của các từ vựng được sử dụng trong phần sách học. Danh sách từ vựng có dịch ra tiếng Việt. Bạn hãy tải về để sử dụng.

ぶんぽうこうもく 〈文法項目の中にあるもの〉

〈Nội dung trình bày trong các mẫu ngữ pháp〉

★★★

ぶんぽうこうもく みぎはじ
文法項目の右端に、★のマークがあります。★が多いほど、じゅうよう こうもく
重要な項目という意味です。★は理解できればいい項目なので、基本的には練習問題はありせん。まとめの問題にも入っていないものがあります。

Phía bên bìa phải các mẫu ngữ pháp có đánh dấu ★. Dấu ★ càng nhiều có nghĩa là mẫu ngữ pháp đó quan trọng. Với những mẫu ngữ pháp được đánh dấu 1 ngôi sao ★, thì chỉ cần hiểu là được, cho nên về cơ bản sẽ không có bài luyện tập. Có trường hợp mẫu ngữ pháp đó cũng không xuất hiện trong phần bài tập tổng hợp.

使う場面のマーク Các kí hiệu về ngữ cảnh sử dụng



友だちや家族など、身近な人とおしゃべりをするときに使われる表現です。

Là cách diễn đạt được sử dụng khi trò chuyện với những người xung quanh mình như bạn bè và gia đình.



友だちや家族とおしゃべりをするときには使われない、かた ひょうげん
硬い表現です。

Là cách diễn đạt trang trọng, không sử dụng khi trò chuyện với bạn bè và gia đình.



め うえ しょうたいめん たい
目上の人や初対面の人に対して話すとき、または店員が客に向かって話すときの
表現です。

Là cách diễn đạt được sử dụng khi nói chuyện với người trên mình, người mới gặp lần đầu, hoặc nhân viên cửa hàng nói với khách hàng.



こうかい ざんねん あらわ
後悔や残念な気持ちを表したり、相手に批判したりするときに使われる表現です。

Là cách diễn đạt để hiển thị tâm trạng hối tiếc, tiếc nuối hoặc được sử dụng khi chỉ trích đối phương.

どう使う？

次のことが書いてあります。

Được trình bày theo những nội dung sau:

1. 使い方の説明 Giải thích cách sử dụng

どんなことを言いたいときに使うか、どんな気持ちで使うかが書いてあります。ベトナム語の翻訳もついてます。

Trình bày mẫu ngữ pháp này sử dụng khi muốn nói đến điều gì hay sử dụng với tâm trạng như thế nào. Có kèm theo phần dịch tiếng Việt.

2. 接続の説明 Giải thích cách nối câu

どんな品詞のどんな形のものといつしよに使われるか、きこう
記号を使って示しました。

例：(N) + で

特別な言葉や表現の表もあります。

*は、せつぞく
接続で気をつけることです。

Dùng kí hiệu để hiển thị cấu trúc ngữ pháp đó sẽ được sử dụng cùng với từ loại nào và được chia ở hình thức nào.

Ví dụ: (N) + で

Có bảng trình bày các cách diễn đạt và từ vựng đặc biệt.

Dấu * là những lưu ý khi nối câu.

3. 例文 れいぶん Câu ví dụ

①②のように番号がついています。れいぶん にちじょうせいがつ例文は日常生活でよく使われるものを選びました。
りかい たす いちぶ理解の助けになるように一部イラストをつけました。また、のマークは、かんようてき慣用的に使われる表現を表します。

Câu ví dụ được đánh số như ①, ②. Câu ví dụ được lựa chọn từ những câu thường được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày. Để các bạn dễ hiểu, một vài chỗ chúng tôi có kèm theo hình minh họa. Ngoài ra, kí hiệu  hiển thị cách diễn đạt được sử dụng như thành ngữ.



ぶんぽうこうもくその文法項目を使うときに、気をつけることが書いてあります。
Hiện thị những điểm lưu ý khi sử dụng mẫu ngữ pháp đó.

やってみよう！

Hãy làm thử!

ぶんぽうこうもく かくにんその文法項目を確認するための練習問題です。「どう使う？」と例文で勉強したことが
じっさい かたちできるかどうか、実際に問題に答える形でチェックしてみてください。

Là những bài luyện tập để xác nhận lại mẫu ngữ pháp đó. Hãy kiểm tra lại bằng cách trả lời các câu hỏi thực tế xem mình có làm được những mẫu đã học ở "Sử dụng như thế nào" và câu ví dụ hay không.



ことば ちが つけが ひつようほかの言葉との使い方の違いや追加で説明が必要なことなどが書いてあります。練習が
ひつよう必要なものは「やってみよう！」がついています。

Phần này trình bày nội dung như sự khác nhau của cách sử dụng mẫu này với những từ ngữ khác hoặc cần thiết phải giải thích thêm. Với những mẫu cần phải luyện tập thêm thì sẽ kèm theo phần "Hãy làm thử!"

+ Plus

ちが ことば違う言葉で、同じような意味で使われるものが書いてあります。練習が
ひつよう必要なものは「やってみよう！」がついています。

Phần này trình bày những từ ngữ khác nhau nhưng được sử dụng cùng một ý nghĩa. Nếu cần phải luyện tập thêm thì sẽ kèm theo phần "Hãy làm thử!"



ぶんぽうこうもく かんけいその文法項目と関係がある項目があるときは、番号が書いてあります。

Kí hiệu này được sử dụng để chỉ dẫn đến mẫu ngữ pháp liên quan, được đánh số của mẫu ngữ pháp liên quan.

〈品詞と活用形のマーク〉

(Từ loại và ký hiệu chia thì thể của từ loại)

1) 品詞 Từ loại

名詞	Danh từ	N	えんぴつ、日本語、病気
い形容詞	Tính từ い	いA	大きい、小さい、おいしい
な形容詞	Tính từ な	なA	元気、便利、しずか
動詞	Động từ	V	行く、食べる、勉強する

2) 動詞の活用形 Hình thức chia của động từ

ます形	Thểます	V-ます	行きます
辞書形	Thể từ điển	V-る	行く
て形	Thểて	V-て	行って
た形	Thểた	V-た	行った
ない形	Thểない	V-ない	行かない
動詞の普通形	Thể thông thường của động từ	V-PI	行く・行かない・行った・行かなかった
可能形	Thể khả năng	V-できる	行ける
受身形	Thể bị động	V-られる	行かれる
使役形	Thể sai khiến	V-させる	行かせる
意向形	Thể ý chí	V-よう	行こう
条件形	Thể điều kiện	V-ば	行けば

3) 普通形・ていねい形 Thể thông thường- Thể lịch sự

普通形 Thể thông thường **PI**

動詞 Động từ	行く 行かない 行った 行かなかった	い形容詞 Tính từ い	大きい 大きくない 大きかった 大きくなかった
な形容詞 Tính từ な	元気だ 元気じゃない／元気ではない 元気だった 元気じゃなかった ／元気ではなかった	名詞 Danh từ	病気だ 病気じゃない／病気ではない 病気だった 病気じゃなかった ／病気ではなかった

^{どうし} 動詞 Động từ	行きます 行きません 行きました 行きませんでした	^{けいようし} い形容詞 Tính từ い	大きいです 大きくないです /大きくありません 大きかったです 大きくなかったです /大きくありませんでした
^{けいようし} な形容詞 Tính từ な	元気です 元気じゃないです* /元気じゃありません* 元気でした 元気じゃなかったです* /元気じゃありませんでした*	^{めいし} 名詞 Danh từ	病気です 病気じゃないです* /病気じゃありません* 病気でした 病気じゃなかったです* /病気じゃありませんでした*

〈接続の示し方〉 Cách hiển thị kết nối

それぞれの文法項目は、次のように表します。

Từng mẫu ngữ pháp được hiển thị như sau.

例)

V-て + ください	食べてください
V-ます + たい	会いたい
V-ない + ないでください	行かないでください
いA いく	大きく
なA な	しずかな
なA なに	しずかに
PI + んです [なA だな N だな]	行くんです 行かないんです 行ったんです 行かなかったんです 大きいんです 大きくないんです 大きかったんです 大きくなかったんです 元気なんです 元気じゃないんです* 元気だったんです 元気じゃなかったんです* 病気なんです 病気じゃないんです* 病気だったんです 病気じゃなかったんです*
PI + ら [過去形だけ] (Chỉ kết hợp với thì quá khứ)	行ったら 行かなかったら 大きかったら 大きくなかったら 元気だったら 元気じゃなかったら* 病気だったら 病気じゃなかったら*

*な形容詞・名詞の「じゃ」は、論文などを書くときは「では」が使われる。

この本をお使いになる先生方へ

この本をお使いくださり、ありがとうございます。本書の目指すところは、日常生活の様々な場面で、具体的に日本語がどのように使われているかを目で見て、感じて、それを踏まえて文法を学ぶことです。それによって、会話やスピーチ、読解の中で使われている文法項目に自然になじみ、日本語能力試験への対応も、スムーズに進むと思います。さらに発話や作文などの自己表現にも応用できるようになると信じています。

近年、インターネットの普及に伴って、海外の学習者も生の日本語に直に触れる機会が増え、自然な日本語の習得に一役買っていることは確かです。運用を重視するという日本語教育の流れの中で、文法の位置づけも変わってきているように思います。

しかし、基礎の枠組みとしての文法をきちんと把握することは、日本語の運用にとって非常に重要です。また、相手との位置関係、使用場面にふさわしい日本語を意識することとても大切だと考えます。

以上の点から、本書の見本文では下の表のような多様なタイプの設定をしました。その中でも語彙については生活上汎用性のあるもの、使用頻度の高いものを使うようにしています。

章	タイトル	見本文のタイプ
1	初めての富士登山	作文
2	ぼくの犬、クロ	ブログ
3	市民農園の募集	お知らせ
4	水泳大会	親しい人との会話
5	手作りハムのレシピ	料理のレシピ
6	里山について	スピーチ
7	不動産屋で	店員との会話・親しい人との会話
8	就職の面接	面接での会話
9	お花見	エッセー
10	ゆきの選択	親しい人との会話
11	友だちのお見舞い	親しい人との会話

本校での実践の中でも見本文の効果は大きく、ことさら説明をしなくても、イメージで感じ取ってもらえると言われています。本書を使ってご指導される先生方にも、ぜひ学習者の方とともに見本文のストーリーを感じていただきたく存じます。

本書につきまして、何かご意見などございましたら、どうぞお寄せくださいますよう、お願い申し上げます。

もくじ

Mục lục

はじめに	Lời nói đầu	3
この本をお使いになる皆さんへ	Gửi đến các bạn sử dụng giáo trình này	4
この本をお使いになる先生方へ		10

1 初めての富士登山 (1) Lần đầu leo núi Phú Sĩ (1)

16

1 登り始めた	＋Plus ～終わる	16
2 持っていくように言われた		17
3 病気になる人もいるということ		18
4 大丈夫だろうと思った		19
5 大変じゃなさそうだった		20

1 初めての富士登山 (2) Lần đầu leo núi Phú Sĩ (2)

22

6 登ってみると	＋Plus ～たら	22
7 立っているのもつらいほど		23
8 どんどん登っていく	＋Plus ～てくる	24
9 登り続けた		25
10 上まで行きたいなら		26

まとめの問題

28

2 ぼくの犬、クロ (1) Kuro, chú chó của tôi (1)

31

11 クロって名前		31
12 飼わせてもらった		32
13 約束させられた		32
14 散歩に行きたがって		33
15 玄関を出たとたん		34
16 全速力で走り出す		35

2 ぼくの犬、クロ (2) Kuro, chú chó của tôi (2)

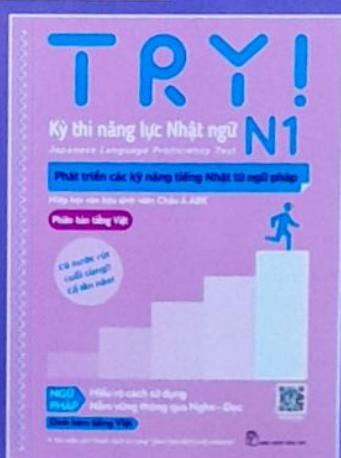
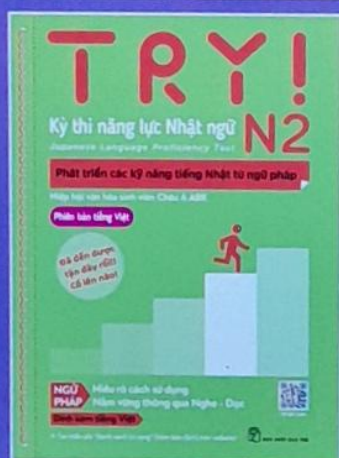
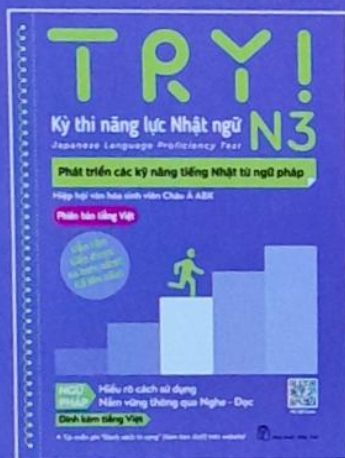
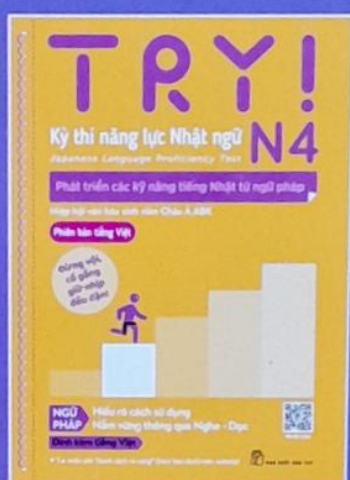
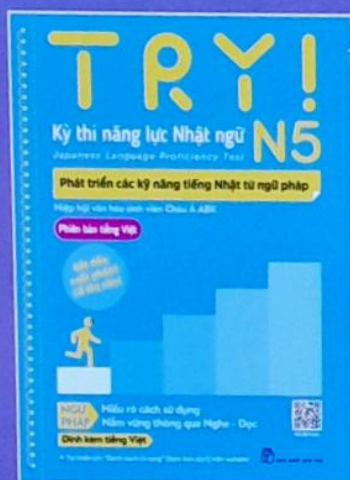
37

17 帰ろうとする		37
18 コンビニに寄ることもある		38
19 待たせておいて		39
20 顔中なめられてしまう		39

まとめの問題

41

TRY!



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM THÔNG TIN TH



Mã sách: 020702441



LT6-877258



ISBN 978-604-1-17218-0



Try kỳ thi năng lực nhật ngữ N3



Giá: 100.000 đ